

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU
NGÔ QUYỀN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010**

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 22

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngô Quyền (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngô Quyền được thành lập theo:

- Quyết định số 252/QĐ-UB, ngày 16 tháng 02 năm 2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Kiên Giang;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 56-03-000043, ngày 23 tháng 03 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 11 tháng 03 năm 2009.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại 326-328 Ngô Quyền, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 12 tỷ đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Bán buôn thủy sản;
- Chế biến sản phẩm từ ngũ cốc;
- Xuất, nhập khẩu phụ gia, vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành khai thác chế biến thủy sản.

2. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Huỳnh Châu Sang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch
Ông Võ Thế Trọng	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Văn Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Huỳnh Châu Sang	Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Giám đốc
Ông Võ Thế Trọng	Phó Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh năm 2010

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty.

6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Kiên Giang, ngày 19 tháng 01 năm 2011

GIÁM ĐỐC

HUYỀN CHÂU SANG

Số: 11.162/BCKT- DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngô Quyền (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 22 kèm theo. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Tuy nhiên, ý kiến của chúng tôi bị giới hạn bởi vấn đề sau:

Công ty đã thực hiện vốn hoá một số khoản chi phí vào giá trị các công trình xây dựng cơ bản không đúng quy định với tổng số tiền là 732.145.375 đồng.

Nếu Công ty ghi nhận chi phí theo đúng quy định thì kết quả kinh doanh trước thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ sẽ giảm đi một khoản tương ứng.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngô Quyền vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2011

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

TẶNG QUỐC THẮNG
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯỢNG
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		52.712.551.109	36.839.282.866
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	815.403.364	1.066.282.773
1. Tiền	111		815.403.364	1.066.282.773
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.2)	34.095.803.851	25.320.131.390
1. Phải thu khách hàng	131		15.689.646.039	6.331.866.791
2. Trả trước cho người bán	132		18.199.106.776	17.477.257.600
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		271.941.035	1.548.293.035
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(64.889.999)	(37.286.036)
IV. Hàng tồn kho	140	(5.3)	16.885.416.098	8.785.840.113
1. Hàng tồn kho	141		16.885.416.098	8.785.840.113
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		915.927.796	1.667.028.590
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		169.379.691	243.583.522
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		536.293.431	1.220.107.542
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		14.293.641	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		195.961.033	203.337.526

(Phần tiếp theo ở trang 5)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35.293.531.078	21.586.510.507
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		33.409.137.730	21.342.693.734
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.4)	7.351.436.637	8.441.974.434
+ Nguyên giá	222		12.724.528.780	12.724.528.780
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.373.092.143)	(4.282.554.346)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
+ Nguyên giá	228			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.5)	26.057.701.093	12.900.719.300
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.530.000.000	
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	(5.6)	1.530.000.000	
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		354.393.348	243.816.773
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		354.393.348	243.816.773
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		88.006.082.187	58.425.793.373

(Phần tiếp theo ở trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		72.041.437.565	42.460.593.828
I. Nợ ngắn hạn	310		43.522.951.053	18.187.649.799
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.7)	32.102.378.234	13.280.000.000
2. Phải trả người bán	312	(5.8)	8.987.221.531	2.623.595.026
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		281.529.006	177.101.801
5. Phải trả người lao động	315		693.468.045	858.971.227
6. Chi phí phải trả	316		782.046.910	455.118.957
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		181.534.837	191.302.634
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.9)	494.772.490	601.560.154
II. Nợ dài hạn	330		28.518.486.512	24.272.944.029
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.10)	28.478.487.961	24.127.539.309
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		39.998.551	145.404.720
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.964.644.622	15.965.199.545
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.11)	15.964.644.622	15.965.199.545
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.000.000.000	12.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.507.316.295	1.154.788.706
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		144.043.182	225.000.531
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.313.285.145	2.585.410.308
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		88.006.082.187	58.425.793.373

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		36.199,55	42.922,22
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Kiên Giang, ngày 19 tháng 01 năm 2011

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN KIM BÚP

HUỲNH CHÂU SANG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		118.995.188.616	125.703.379.958
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		208.514.280	210.581.767
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	118.786.674.336	125.492.798.191
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	106.739.553.626	112.808.690.894
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.047.120.710	12.684.107.297
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	1.779.071.090	1.996.375.796
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	1.863.373.874	1.344.462.242
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		1.577.298.479	842.746.298
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	5.307.784.303	5.221.611.314
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	3.263.925.598	3.851.814.495
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.391.108.025	4.262.595.042
11. Thu nhập khác	31		10.613.000	
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác	40		10.613.000	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.401.721.025	4.262.595.042
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.7)	370.187.314	513.532.434
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.031.533.711	3.749.062.608
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	(5.11.3)	2.526	3.124

Kiên Giang, ngày 19 tháng 01 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN KIM BÚP

HUYỀN CHÂU SANG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.401.721.025	4.262.595.042
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.090.537.797	1.208.527.599
Các khoản dự phòng	03		27.603.963	18.993.001
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		120.358.833	210.896.877
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(257.959.573)	(83.296.251)
Chi phí lãi vay	06		1.577.298.479	842.746.298
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		5.959.560.524	6.460.462.566
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.424.816.470)	(10.002.422.132)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.099.575.985)	4.721.552.858
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		24.726.855.283	(5.546.177.230)
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)				
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(36.372.744)	157.330.227
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.609.756.479)	(788.390.031)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(295.581.957)	(605.994.785)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			209.444.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.324.569.672)	(1.269.046.185)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		9.895.742.500	(6.663.240.712)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(30.962.805.286)	(10.591.583.619)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(1.530.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.959.573	83.296.251
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30.949.845.713)	(12.038.287.368)

(Phần tiếp theo ở trang 10)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGŨ QUYỀN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		160.957.950.853	118.798.707.679
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(138.357.974.235)	(98.305.729.724)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.800.000.000)	(1.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		20.799.976.618	19.492.977.955
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(254.126.595)	791.449.875
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.066.282.773	354.353.775
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.247.186	(79.520.877)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		815.403.364	1.066.282.773

Kiên Giang, ngày 19 tháng 01 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN KIM BÚP

HUYỀN CHÂU SANG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngô Quyền (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo:

- Quyết định số 252/QĐ-UB, ngày 16 tháng 02 năm 2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Kiên Giang;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 56-03-000043, ngày 23 tháng 03 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 11 tháng 03 năm 2009.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại 326-328 Ngô Quyền, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 12 tỷ đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Chế biến thủy sản xuất khẩu.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Bán buôn thủy sản;
- Chế biến sản phẩm từ ngũ cốc;
- Xuất, nhập khẩu phụ gia, vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành khai thác chế biến thủy sản.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 20 năm
+ Máy móc thiết bị	03 - 12 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

4.6. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu là công cụ, dụng cụ phục vụ cho sản xuất tại phân xưởng có thời gian phân bổ dưới 1 năm.

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu là máy móc thiết bị không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định và những chi phí sửa chữa, với thời gian phân bổ từ 1 đến 5 năm.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập trên cơ sở 3% tổng quỹ tiền lương bảo hiểm xã hội năm 2010.

4.8. Lương

Quỹ lương cho khối lao động trực tiếp được tính dựa trên đơn giá tiền lương tính trên khối lượng sản phẩm làm ra.

Quỹ lương cho khối lao động gián tiếp được tạm tính dựa vào doanh số bán ra trong kỳ.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Quỹ đầu tư phát triển được trích bằng 10% lợi nhuận trước thuế.

Quỹ dự phòng tài chính bằng 5% x (lợi nhuận sau thuế - quỹ đầu tư phát triển).

Quỹ khen thưởng và phúc lợi bằng 20% x (lợi nhuận sau thuế - quỹ đầu tư phát triển).

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Ưu đãi, miễn giảm thuế: Theo Thông báo số 112/TB-CT ngày 02 tháng 08 năm 2005 của Cục Thuế Tỉnh Kiên Giang, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi và giảm 50% trong ba năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty xác định mức thuế suất thuế TNDN được ưu đãi là 20% trong thời gian 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động kinh doanh theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ và Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.13. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này:

Bảng cân đối kế toán (trích)

	Đầu năm (Phân loại lại)	Đầu năm (Đã được trình bày trước đây)
NGUỒN VỐN		
<u>A. NỢ PHẢI TRẢ</u>		
I. Nợ ngắn hạn		
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi	601.560.154	
<u>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</u>		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi		601.560.154

(Phần tiếp theo ở trang 15)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	40.900.286	80.025.270
Tiền gửi ngân hàng	774.503.078	986.257.503
Tổng cộng	815.403.364	1.066.282.773

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	15.689.646.039	6.331.866.791
Trả trước cho người bán	18.199.106.776	17.477.257.600
Các khoản phải thu khác	271.941.035	1.548.293.035
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	34.160.693.850	25.357.417.426
Dự phòng phải thu khó đòi	(64.889.999)	(37.286.036)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	34.095.803.851	25.320.131.390

Trả trước cho người bán chủ yếu là các khoản trả trước về xây dựng cơ bản với tổng số tiền là 18.169.770.693 đồng.

Các khoản phải thu khác chủ yếu là khoản phải thu cổ tức của Công ty Cổ Phần Chế Biến Bột Cá Kiên Hùng I với tổng số tiền là 245.000.000 đồng.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	555.363.315	848.062.713
Công cụ, dụng cụ	1.610.969.691	777.748.214
Thành phẩm	14.719.083.092	7.160.029.186
Cộng giá gốc hàng tồn kho	16.885.416.098	8.785.840.113
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	16.885.416.098	8.785.840.113

Toàn bộ hàng hóa đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng - xem thêm mục 5.7 và 5.10.

(Phần tiếp theo ở trang 16)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.778.091.498	9.063.825.082	762.605.575	120.006.625	12.724.528.780
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>2.778.091.498</u>	<u>9.063.825.082</u>	<u>762.605.575</u>	<u>120.006.625</u>	<u>12.724.528.780</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.171.612.982	2.790.707.925	204.577.483	115.655.956	4.282.554.346
Khấu hao trong năm	199.280.601	804.917.412	81.989.115	4.350.669	1.090.537.797
Số dư cuối năm	<u>1.370.893.583</u>	<u>3.595.625.337</u>	<u>286.566.598</u>	<u>120.006.625</u>	<u>5.373.092.143</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.606.478.516	6.273.117.157	558.028.092	4.350.669	8.441.974.434
Tại ngày cuối năm	<u>1.407.197.915</u>	<u>5.468.199.745</u>	<u>476.038.977</u>	<u>-</u>	<u>7.351.436.637</u>

Toàn bộ tài sản đã được đem đi cầm cố để bảo đảm cho các khoản vay tại các ngân hàng - xem thêm mục 5.7 và 5.10.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.753.841.904 đồng.

5.5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đây là chi phí xây dựng nhà máy Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Tắc Cậy - Kiên Giang tại khu cảng cá Tắc Cậy, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.

5.6. Đầu tư dài hạn

Đây là khoản đầu tư vào 150.000 cổ phần của Công ty Cổ Phần Chế Biến Bột Cá Kiên Hùng I.

5.7. Vay và nợ ngắn hạn

Vay ngắn hạn là các khoản vay bằng Đô la Mỹ (USD) và Đồng Việt Nam (VND) tại các ngân hàng, với lãi suất là 5%/năm đối với các khoản vay bằng USD và 10,5% đến 16%/năm đối với các khoản vay bằng VND. Các khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản cố định và hàng hóa của Công ty - xem thêm mục 5.3 và 5.4.

5.8. Phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

(Phần tiếp theo ở trang 17)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	601.560.154	522.722.791
Trích lập trong năm	579.142.630	682.015.207
Tăng khác	-	209.444.000
Sử dụng trong năm	(685.930.294)	(812.621.844)
Số dư cuối năm	494.772.490	601.560.154

5.10. Vay và nợ dài hạn

Vay dài hạn là khoản vay ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương - Chi nhánh Kiên Giang, chi tiết như sau:

Mục đích	Đầu tư xây dựng nhà máy Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Tắc Cậu – Kiên Giang (theo quy hoạch của Tỉnh Kiên Giang).
Thời hạn vay	72 tháng
Lãi suất	5%/năm đối với các khoản vay bằng USD, 12% đến 14,9%/năm đối với các khoản vay bằng VND. Các khoản vay bằng VND được hỗ trợ lãi suất 2%/năm.
Tài sản đảm bảo	Các khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

5.11. Vốn chủ sở hữu

5.11.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	12.000.000.000	728.529.202	355.522.637	465.499.090	13.549.550.929
Lợi nhuận trong năm trước				3.749.062.608	3.749.062.608
Tăng khác		426.259.504	170.503.802		596.763.306
Giảm khác			(301.025.908)	(1.629.151.390)	(1.930.177.298)
Số dư đầu năm nay	12.000.000.000	1.154.788.706	225.000.531	2.585.410.308	15.965.199.545
Lợi nhuận trong năm				3.031.533.711	3.031.533.711
Tăng khác		352.527.589	144.785.651		497.313.240
Giảm khác			(225.743.000)	(3.303.658.874)	(3.529.401.874)
Số dư cuối năm nay	12.000.000.000	1.507.316.295	144.043.182	2.313.285.145	15.964.644.622

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.11.2. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	1.200.000	1.200.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	1.200.000	1.200.000
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	1.200.000	1.200.000
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.11.3. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	3.031.533.711	3.749.062.608
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.200.000	1.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	2.526	3.124

5.11.4. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	2.585.410.308	465.499.090
Lợi nhuận sau thuế trong năm	3.031.533.711	3.749.062.608
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(352.527.589)	(426.259.504)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(144.785.651)	(170.503.802)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(579.142.630)	(682.015.207)
Chia cổ tức	(1.800.000.000)	-
Các khoản khác	(427.203.004)	(350.372.877)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	2.313.285.145	2.585.410.308

(Phần tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	99.478.974.501	115.198.179.827
Doanh thu bán hàng hóa	1.730.129.853	253.874.952
Doanh thu cung cấp dịch vụ	154.602.379	26.647.617
Doanh thu bán phế liệu	17.631.481.883	10.224.677.562
Các khoản giảm trừ	(208.514.280)	(210.581.767)
Doanh thu thuần	118.786.674.336	125.492.798.191

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	105.660.899.179	112.586.352.644
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.078.654.447	222.338.250
Tổng cộng	106.739.553.626	112.808.690.894

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	12.959.573	83.296.251
Lãi bán ngoại tệ	1.140.366.198	1.211.774.440
Lãi chênh lệch tỷ giá	380.745.319	701.305.105
Cổ tức, lợi nhuận được chia	245.000.000	-
Tổng cộng	1.779.071.090	1.996.375.796

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.577.298.479	842.746.298
Lỗ chênh lệch tỷ giá	286.075.395	501.715.944
Tổng cộng	1.863.373.874	1.344.462.242

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.276.485.104	4.318.649.483
Chi phí bằng tiền khác	1.031.299.199	902.961.831
Tổng cộng	5.307.784.303	5.221.611.314

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.926.312.890	2.437.196.059
Chi phí đồ dùng văn phòng	43.805.700	58.228.451
Thuế, phí và lệ phí	423.751.852	546.311.293
Chi phí dự phòng	27.603.963	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	183.168.833	165.259.980
Chi phí bằng tiền khác	659.282.360	644.818.712
Tổng cộng	3.263.925.598	3.851.814.495

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng thu nhập trước thuế	3.401.721.025	4.262.595.042
Trừ thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(245.000.000)	(42.056.410)
Tổng thu nhập tính thuế	3.156.721.025	4.220.538.632
Tổng số thuế TNDN năm 2010	722.714.903	874.600.583
Thuế TNDN được giảm	(352.527.589)	(361.068.149)
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	370.187.314	513.532.434

(Phần tiếp theo ở trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	101.603.200.202	94.928.986.256
Chi phí nhân công	8.476.902.216	9.270.112.609
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.090.537.797	1.208.527.599
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.352.662.557	6.482.334.096
Chi phí dự phòng	27.603.963	-
Chi phí khác bằng tiền	3.073.267.489	3.140.158.280
Tổng cộng	120.624.174.224	115.030.118.840

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ Phần Chế Biến Bột Cá Kiên Hùng I	Bên liên quan

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu - xem thêm mục 5.2	245.000.000	-

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức phải thu	245.000.000	-
Phí cung cấp dịch vụ	2.323.809	-

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Lương Giám đốc	127.999.220	132.103.636
Thù lao Hội đồng quản trị	147.240.000	35.640.000
Tổng cộng	275.239.220	167.743.636

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

9. Các thông tin thuyết minh khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty đã áp dụng các quy định này cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 19 tháng 01 năm 2011.

Kiên Giang, ngày 19 tháng 01 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN KIM BÚP

HUYỀN CHÂU SANG